

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/KDTM-ST

Ngày: 29/9/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Duyệt và ông Hồ Tùng Mậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2025/TLST-TM ngày 17/7/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-KDTM ngày 26/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-KDTM ngày 11/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-KDTM ngày 25/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: T, số A T, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là số A T, phường H, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Trung T (có mặt)

Địa chỉ: Số A N, phường B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Công ty cổ phần X

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công D (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Công ty cổ phần X - Mã số doanh nghiệp là 6000442866 - địa chỉ tại số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ là số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) là khách hàng có quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1. Theo các thỏa thuận tín dụng đã ký kết, tạm tính đến ngày 28/05/2025, Ngân hàng đã cho Công ty vay số tiền là 24.800.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, tám trăm triệu đồng), Công ty đã trả nợ gốc là 282.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi hai triệu đồng), nợ vay gốc còn lại là 24.518.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, năm trăm mười tám triệu đồng). Hiện tại, Công ty đã phát sinh nợ xấu tại Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu Công ty trả nợ xấu nhưng Công ty vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện Công ty và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực I – Đắk Lắk giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty cổ phần X phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả (tạm tính đến ngày 28/05/2025) là 31.779.217.244 VND (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười bảy ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 24.518.000.000 VND, nợ lãi là 4.834.613.501 VND, lãi phạt quá hạn là 2.189.274.542 VND, lãi chậm trả là 237.329.201 VND và toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả, phí phát sinh sau ngày 28/05/2025 cho đến khi Công ty cổ phần X thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 theo các thỏa thuận cấp tín dụng cụ thể sau:

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 10/2022/717952/HĐTD ngày 19/08/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2022/717952/HĐTD ngày 31/08/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 13/2022/717952/HĐTD ngày 19/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 14/2022/717952/HĐTD ngày 28/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 15/2022/717952/HĐTD ngày 12/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 16/2022/717952/HĐTD ngày 17/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 17/2022/717952/HĐTD ngày 26/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 18/2022/717952/HĐTD ngày 30/11/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 19/2022/717952/HĐTD ngày 14/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 20/2022/717952/HĐTD ngày 22/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số

21/2022/717952/HĐTD ngày 30/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2023/717952/HĐTD ngày 13/01/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2023/717952/HĐTD ngày 09/02/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03/2023/717952/HĐTD ngày 01/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 04/2023/717952/HĐTD ngày 31/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 05/2023/717952/HĐTD ngày 28/04/2023;

Trường hợp Công ty cổ phần X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực I - Đắk Lắk tuyên Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản bảo đảm của Công ty cổ phần X để ưu tiên thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty cổ phần X đối với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1. Các tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng gồm:

+ Đất và trụ sở làm việc tại số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ là số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R600438 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/10/2001, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 666432412700101 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2007;

+ Nhà máy bê tông ly tâm tại khu công nghiệp T, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ là khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL168705 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 11/01/2008, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 676622465500107 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 30/07/2009, Hóa đơn số 0001691 ngày 11/11/2011, số 0107461 ngày 26/07/2008, số 0059022 ngày 01/12/2008, số 0103193 ngày 27/04/2009, số 0107460 ngày 26/07/2008; Hợp đồng kinh tế số 112/2017 ngày 23/10/2017 ký giữa Công ty TNHH M và Thiết bị Thiên Vũ N và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000830 ngày 27/10/2017 của Công ty TNHH M; Hợp đồng mua bán số 2217/HĐMB/VTĐ ngày 17/10/2017 ký giữa Công ty TNHH V và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000929 ngày 17/11/2017 của Công ty TNHH V; Hợp đồng kinh tế số 2808/SL-XDVN/17 ký giữa Công ty TNHH T1 và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000925 ngày 12/12/2017 của Công ty TNHH T1; Hợp đồng kinh tế số 42/HĐKT-PKD/2017 ngày 02/11/2017 ký giữa Công ty Cổ phần K và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000113 ngày 06/03/2018 của Công ty Cổ phần K.

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát số 47L-7306 theo Giấy chứng

nhận đăng ký xe ô tô số 0006588 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 12/07/2007;

+ Xe ô tô tải có cần cầu, nhãn hiệu Hyundai HD320/ĐL-TC4, biển kiểm soát số 47C-12888 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017594 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/05/2016;

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER GUN165L-SUTSHU, biển kiểm soát số 47A-31928 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058723 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/01/2020;

+ Xe ô tô tải (có cần cầu), nhãn hiệu MAZ, gắn cầu KangLim 3T (Hàn Quốc), tải trọng 3000 kg, biển kiểm soát số 47C-20411 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 043008 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2019.

Về yêu cầu của Bị đơn đề nghị Ngân hàng hỗ trợ xóa lãi phạt và giảm lãi phải trả, B có ý kiến như sau:

Trong thời gian qua, Công ty Cổ phần X chỉ đưa ra đề nghị về việc giảm, miễn lãi nhưng không đưa ra được thời gian cụ thể thanh toán nợ cho B, vì vậy B không có cơ sở trình Hội sở chính giảm, miễn lãi theo quy định của B. Vì vậy, kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:**

Công ty Cổ phần X là khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1. Theo các thỏa thuận tín dụng đã ký kết, tạm tính đến ngày 28/5/2025 Công ty đã vay của Ngân hàng số tiền là 24.800.000.000 đồng, Công ty đã trả được số tiền nợ gốc là 282.000.000 đồng, nợ vay gốc còn lại là 24.518.000.000 đồng.

Công ty đã ký kết với Ngân hàng các hợp đồng tín dụng cụ thể sau :

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 10/2022/717952/HĐTD ngày 19/08/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2022/717952/HĐTD ngày 31/08/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 13/2022/717952/HĐTD ngày 19/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 14/2022/717952/HĐTD ngày 28/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 15/2022/717952/HĐTD ngày 12/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 16/2022/717952/HĐTD ngày 17/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 17/2022/717952/HĐTD ngày 26/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 18/2022/717952/HĐTD ngày 30/11/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 19/2022/717952/HĐTD ngày 14/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 20/2022/717952/HĐTD ngày 22/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số

21/2022/717952/HĐTD ngày 30/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2023/717952/HĐTD ngày 13/01/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2023/717952/HĐTD ngày 09/02/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03/2023/717952/HĐTD ngày 01/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 04/2023/717952/HĐTD ngày 31/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 05/2023/717952/HĐTD ngày 28/04/2023;

Tài sản đảm bảo các khoản vay bao gồm:

+ Đất và trụ sở làm việc tại số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ là số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R600438 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/10/2001, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 666432412700101 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2007;

+ Nhà máy bê tông ly tâm tại khu công nghiệp T, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ là khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL168705 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 11/01/2008, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 676622465500107 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 30/07/2009, Hóa đơn số 0001691 ngày 11/11/2011, số 0107461 ngày 26/07/2008, số 0059022 ngày 01/12/2008, số 0103193 ngày 27/04/2009, số 0107460 ngày 26/07/2008;

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát số 47L-7306 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0006588 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 12/07/2007;

+ Xe ô tô tải có cần cẩu, nhãn hiệu Hyundai HD320/ĐL-TC4, biển kiểm soát số 47C-12888 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017594 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/05/2016;

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER GUN165L-SUTSHU, biển kiểm soát số 47A-31928 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058723 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/01/2020;

+ Xe ô tô tải (có cần cẩu), nhãn hiệu MAZ, gắn cầu KangLim 3T (Hàn Quốc), tải trọng 3000 kg, biển kiểm soát số 47C-20411 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 043008 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2019.

Những năm vừa qua, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bị ngưng trệ, tốc độ phục hồi của công ty H rất chậm do xuất phát điểm thấp, nguồn vốn cạn kiệt, việc tiếp cận dòng vốn từ các Ngân hàng

thương mại rất khó khăn do chủ trương thắt chặt tín dụng của Chính phủ, doanh thu mảng xây lắp điện giảm sút rõ rệt, ngành nghề xây lắp điện cạnh tranh khốc liệt, giá trúng thầu các công trình rất thấp, hầu hết các công trình đều thú lỗ nặng. Mặt khác, do công ty thiếu hụt vốn trầm trọng buộc phải sử dụng đòn bẩy tài chính lớn từ các dòng vốn bên ngoài xã hội dẫn đến chi phí tài chính tăng cao,...

Để củng cố khả năng hoạt động bình thường của Công ty, công ty đã có kế hoạch tái cấu trúc tài sản nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tăng doanh thu, từng bước xóa lỗ. Cụ thể, Công ty sẽ chuyển nhượng một số bất động sản như: Lô đất tại số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk; khai thác triệt để khu nhà máy sản xuất cột bê tông ly tâm Đắk Nông tại khu đất thuộc Khu công nghiệp T. Lộ trình thực hiện các nội dung này sẽ bắt đầu thực hiện trong quý 4 năm 2025. Ngoài ra, Công ty sẽ tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh phù hợp với địa bàn hoạt động của Công ty đó là sản xuất phân bón vi Sinh, gia công cơ khí, kinh doanh vật liệu xây dựng, giảm tỷ trọng lĩnh vực xây lắp điện,...

Ngân hàng B và công ty X có mối quan hệ truyền thống tốt đẹp đã hơn 25 năm. Lịch sử trả nợ của VNECO8 cho Ngân hàng từ năm 2022 trở về trước cũng rất tốt. Hiện tại, hoạt động mua bán bất động sản nhìn chung chưa phục hồi, vẫn còn trầm lắng; C VNCEO8 cần có đủ thời gian để tái cấu trúc công ty, bán tài sản để trả nợ, từng bước phục hồi hoạt động sản xuất của Công ty. Vì thế, Công ty VNECO8 xin có một số kiến nghị như sau: Gia hạn thời gian trả hết nợ gốc đến 31/12/2027; Xóa toàn bộ lãi phạt và lãi chậm trả theo tính toán của B; Giảm lãi phải trả; Xóa toàn bộ lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả, phí phát sinh sau ngày 28/5/2025.

Đề nghị B gia hạn thời hạn hiệu lực của giấy biên nhận thế chấp đối với 03 phương tiện sau đến 31/12/2026: Xe ô tô tải có cần cẩu, nhãn hiệu Huyndai HD320/ĐL-TC4, biển kiểm soát số 47C-12888; Xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER GUN165L-SUTSHU, biển kiểm soát số 47A-31928; Xe ô tô tải (có cần cẩu), nhãn hiệu MAZ, gắn cầu KangLim 3T (Hàn Quốc), biển kiểm soát số 47C-20411.

Mong Ngân hàng xem xét, chấp thuận những kiến nghị của Công ty VNECO8 nhằm giúp Công ty chúng tôi vượt qua giai đoạn hết sức khó khăn hiện nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của

BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 144, 147, 266, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 388, Điều 402, Điều 404, Điều 405, Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 318. 319, 320, 323, 326, 342, 348, 349, 350, 351, 352, 355 Bộ luật dân sự. Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc Công ty cổ phần X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc, lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả (tạm tính đến ngày 28/05/2025) là 31.779.217.244 đồng (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười bảy ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 24,518,000,000 đồng, nợ lãi là 4,834,613,501 đồng, lãi phạt quá hạn là 2.189.274.542 đồng, lãi chậm trả là 237.329.201 đồng và toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả, phí phát sinh sau ngày 28/05/2025 cho đến khi Công ty cổ phần X thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 theo các thỏa thuận cấp tín dụng.

Trường hợp Công ty cổ phần X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản bảo đảm của Công ty cổ phần X để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty cổ phần X đối với Ngân hàng TMCP Đ gồm:

+ Đất và trụ sở làm việc tại số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ là số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R600438 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/10/2001, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 666432412700101 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2007;

+ Nhà máy bê tông ly tâm tại khu công nghiệp T, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ là khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL168705 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 11/01/2008, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 676622465500107 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 30/07/2009, Hóa đơn số 0001691 ngày 11/11/2011, số 0107461 ngày 26/07/2008,

số 0059022 ngày 01/12/2008, số 0103193 ngày 27/04/2009, số 0107460 ngày 26/07/2008; Hợp đồng kinh tế số 112/2017 ngày 23/10/2017 ký giữa Công ty TNHH M và Thiết bị Thiên Vũ N và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000830 ngày 27/10/2017 của Công ty TNHH M; Hợp đồng mua bán số 2217/HĐMB/VTĐ ngày 17/10/2017 ký giữa Công ty TNHH V và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000929 ngày 17/11/2017 của Công ty TNHH V; Hợp đồng kinh tế số 2808/SL-XDVN/17 ký giữa Công ty TNHH T1 và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000925 ngày 12/12/2017 của Công ty TNHH T1; Hợp đồng kinh tế số 42/HĐKT-PKD/2017 ngày 02/11/2017 ký giữa Công ty Cổ phần K và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000113 ngày 06/03/2018 của Công ty Cổ phần K.

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát số 47L-7306 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0006588 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 12/07/2007;

+ Xe ô tô tải có cần cẩu, nhãn hiệu Hyundai HD320/ĐL-TC4, biển kiểm soát số 47C-12888 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017594 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/05/2016;

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER GUN165L-SUTSHU, biển kiểm soát số 47A-31928 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058723 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/01/2020;

+ Xe ô tô tải (có cần cẩu), nhãn hiệu MAZ, gắn cẩu KangLim 3T (Hàn Quốc), tải trọng 3000 kg, biển kiểm soát số 47C-20411 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 043008 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2019.

Về án phí và chí phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Phiên tòa được mở lần thứ 3, bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do sức khỏe và chuẩn bị chứng cứ tài liệu, việc yêu cầu hoãn phiên tòa không phải sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Trong năm 2022 và 2023 Công ty cổ phần X và Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 có ký 16 hợp đồng tín dụng, theo các thỏa thuận tín dụng

đã ký kết, Ngân hàng đã cho Công ty cổ phần X vay số tiền là 24.800.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, tám trăm triệu đồng), Công ty đã trả nợ gốc là 282.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu đồng), nợ vay gốc còn lại là 24.518.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, năm trăm mười tám triệu đồng). Hiện tại, Công ty cổ phần X đã phát sinh nợ xấu. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu Công ty cổ phần X trả nợ nhưng Công ty cổ phần X vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện Công ty cổ phần X yêu cầu hoàn trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/05/2025 là 31.779.217.244 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 29/05/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty cổ phần X đã tự nguyện ký kết các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho Công ty cổ phần X, tuy nhiên Công ty cổ phần X không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo các cam kết tại các Hợp đồng tín dụng đã ký là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc Công ty cổ phần X phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 28/5/2025 là 31.779.217.244 đồng (Ba mươi một tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười bảy ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng), (trong đó: Nợ gốc là 24.518.000.000 đồng, nợ lãi là 4.834.613.501 đồng, lãi phạt quá hạn là 2.189.274.542 đồng, lãi chậm trả là 237.329.201 đồng) là phù hợp đúng pháp luật.

Trường hợp Công ty cổ phần X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản bảo đảm của Công ty cổ phần X để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty cổ phần X đối với Ngân hàng TMCP Đ gồm các tài sản sau:

- + Đất và trụ sở làm việc tại số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ là số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R600438 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/10/2001, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 666432412700101 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2007;

- + Nhà máy bê tông ly tâm tại khu công nghiệp T, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ là khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL168705 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 11/01/2008, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 676622465500107 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 30/07/2009, Hóa đơn số 0001691 ngày 11/11/2011, số 0107461 ngày 26/07/2008,

số 0059022 ngày 01/12/2008, số 0103193 ngày 27/04/2009, số 0107460 ngày 26/07/2008; Hợp đồng kinh tế số 112/2017 ngày 23/10/2017 ký giữa Công ty TNHH M và Thiết bị Thiên Vũ N và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000830 ngày 27/10/2017 của Công ty TNHH M; Hợp đồng mua bán số 2217/HĐMB/VTĐ ngày 17/10/2017 ký giữa Công ty TNHH V và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000929 ngày 17/11/2017 của Công ty TNHH V; Hợp đồng kinh tế số 2808/SL-XDVN/17 ký giữa Công ty TNHH T1 và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000925 ngày 12/12/2017 của Công ty TNHH T1; Hợp đồng kinh tế số 42/HĐKT-PKD/2017 ngày 02/11/2017 ký giữa Công ty Cổ phần K và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000113 ngày 06/03/2018 của Công ty Cổ phần K.

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát số 47L-7306 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0006588 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 12/07/2007;

+ Xe ô tô tải có cần cẩu, nhãn hiệu Hyundai HD320/ĐL-TC4, biển kiểm soát số 47C-12888 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017594 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/05/2016;

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER GUN165L-SUTSHU, biển kiểm soát số 47A-31928 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058723 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/01/2020;

+ Xe ô tô tải (có cần cẩu), nhãn hiệu MAZ, gắn cẩu KangLim 3T (Hàn Quốc), tải trọng 3000 kg, biển kiểm soát số 47C-20411 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 043008 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2019.

Sau khi, Công ty cổ phần X trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần X toàn bộ tài sản, giấy tờ đã thế chấp tại các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐTC ngày 12/12/2011; số 01/2014/HĐTC ngày 17/1/2024; số 02/2014/HĐTC ngày 20/1/2014; số 01/2018/717952/HĐBĐ ngày 5/6/2018; số 01/2018/717952/HĐBĐ ngày 21/8/2018; số 01/2019/717952/HĐBĐ ngày 28/1/2019; số 02/2019/717952/HĐBĐ ngày 4/6/2019; số 01/2020/717952/HĐBĐ ngày 4/2/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2020/717952/HĐBĐ ngày 22/07/2020, số 01/2021/717952/HĐBĐ ngày 02/06/2021.

[9]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty cổ phần X phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Trả lại cho Ngân hàng

TMCP Đ 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ khi nào thu được của Công ty cổ phần X.

[10]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 323; Điều 335, Điều 336, Điều 342 Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc Công ty cổ phần X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc, lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả (tính đến ngày 28/05/2025) là 31.779.217.244 đồng (Ba mươi một tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười bảy ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 24.518.000.000 đồng, nợ lãi là 4.834.613.501 đồng, lãi phạt quá hạn là 2.189.274.542 đồng, lãi chậm trả là 237.329.201 đồng và toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả, phí phát sinh từ ngày 29/05/2025 cho đến khi Công ty cổ phần X thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP Đ theo các hợp đồng tín dụng cụ thể số 10/2022/717952/HĐTD ngày 19/08/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2022/717952/HĐTD ngày 31/08/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 13/2022/717952/HĐTD ngày 19/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 14/2022/717952/HĐTD ngày 28/09/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 15/2022/717952/HĐTD ngày 12/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 16/2022/717952/HĐTD ngày 17/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 17/2022/717952/HĐTD ngày 26/10/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 18/2022/717952/HĐTD ngày 30/11/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 19/2022/717952/HĐTD ngày 14/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 20/2022/717952/HĐTD ngày 22/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 21/2022/717952/HĐTD ngày 30/12/2022; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2023/717952/HĐTD ngày 13/01/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số

02/2023/717952/HĐTD ngày 09/02/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03/2023/717952/HĐTD ngày 01/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 04/2023/717952/HĐTD ngày 31/03/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 05/2023/717952/HĐTD ngày 28/04/2023.

Trường hợp Công ty cổ phần X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản bảo đảm của Công ty cổ phần X để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty cổ phần X đối với Ngân hàng TMCP Đ gồm:

+ Đất và trụ sở làm việc tại số A Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ là số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R600438 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/10/2001, Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 666432412700101 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2018/717952/HĐBĐ ngày 05/06/2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2020/717952/HĐBĐ ngày 22/07/2020, số 01/2021/717952/HĐBĐ ngày 02/06/2021.

+ Nhà máy bê tông ly tâm tại khu công nghiệp T, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ là khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL168705 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 11/01/2008, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 676622465500107 do UBND tỉnh Đ cấp ngày 30/07/2009, Hóa đơn số 0001691 ngày 11/11/2011, số 0107461 ngày 26/07/2008, số 0059022 ngày 01/12/2008, số 0103193 ngày 27/04/2009, số 0107460 ngày 26/07/2008, Hợp đồng kinh tế số 112/2017 ngày 23/10/2017 ký giữa Công ty TNHH M và Thiết bị Thiên Vũ N và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000830 ngày 27/10/2017 của Công ty TNHH M; Hợp đồng mua bán số 2217/HĐMB/VTD ngày 17/10/2017 ký giữa Công ty TNHH V và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000929 ngày 17/11/2017 của Công ty TNHH V; Hợp đồng kinh tế số 2808/SL-XDVN/17 ký giữa Công ty TNHH T1 và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000925 ngày 12/12/2017 của Công ty TNHH T1; Hợp đồng kinh tế số 42/HĐKT-PKD/2017 ngày 02/11/2017 ký giữa Công ty Cổ phần K và Công ty cổ phần X, Hóa đơn GTGT số 0000113 ngày 06/03/2018 của Công ty Cổ phần K; theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/HĐTC ngày 17/01/2014, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/HĐTC ngày 20/01/2014 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/717953/HĐBĐ ngày 04/06/2019.

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát số 47L-7306 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0006588 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 12/07/2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐTC ngày 12/12/2011.

+ Xe ô tô tải có cần cẩu, nhãn hiệu Hyundai HD320/ĐL-TC4, biển kiểm soát số 47C-12888 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017594 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/05/2016 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/717952/HĐBĐ ngày 21/08/2018.

+ Xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER GUN165L-SUTSHU, biển kiểm soát số 47A-31928 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058723 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/01/2020 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/717952/HĐBĐ ngày 04/02/2020.

+ Xe ô tô tải (có cần cẩu), nhãn hiệu MAZ, gầu cẩu KangLim 3T (Hàn Quốc), tải trọng 3000 kg, biển kiểm soát số 47C-20411 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 043008 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2019 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/717952/HĐBĐ ngày 28/01/2019.

Sau khi, Công ty cổ phần X trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần X toàn bộ tài sản, giấy tờ đã thế chấp tại các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐTC ngày 12/12/2011; số 01/2014/HĐTC ngày 17/1/2024; số 02/2014/HĐTC ngày 20/1/2014; số 01/2018/717952/HĐBĐ ngày 5/6/2018; số 01/2018/717952/HĐBĐ ngày 21/8/2018; số 01/2019/717952/HĐBĐ ngày 28/1/2019; số 02/2019/717953/HĐBĐ ngày 4/6/2019; số 01/2020/717952/HĐBĐ ngày 4/2/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2020/717952/HĐBĐ ngày 22/07/2020, số 01/2021/717952/HĐBĐ ngày 02/06/2021.

2. Về án phí: Công ty cổ phần X phải chịu 139.779.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền 69.890.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ) theo biên lai thu số AA/2023/0011158 ngày 16/6/2025.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty cổ phần X phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Trả lại cho Ngân hàng 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ khi nào thu được của Công ty cổ phần X.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Kiên

